

Số: 23/2018/QĐST-KDTM

Thuỷ Nguyên, ngày 13 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2018/TLST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty V (tên viết tắt V); Địa chỉ trụ sở: Số 22H, phường L, quận H, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (tên viết tắt Ngân hàng Q); Địa chỉ trụ sở: Số 28C - 28D phố T, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn S và ông Phan Hoàng V - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 210/2017/UQ-NCB ngày 22/9/2017).

Bị đơn: Công ty Đ; Địa chỉ trụ sở: Thôn C (nhà bà Bùi Thị H), xã A, huyện T, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H - chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B sinh năm 1954 và bà Trịnh Thị N sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện T, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị N là ông Trần Văn B (Giấy ủy quyền ngày 23/10/2018).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty Đ phải thanh toán trả Công ty V số tiền nợ tính đến hết ngày 07/5/2018 là 23.048.976.197 đồng (trong đó: nợ gốc là 14.740.607.000 đồng, nợ lãi là 8.308.369.197 đồng).

Công ty Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 08/5/2018 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 003/12/HĐTD/105-53 ngày 09/2/2012 đã ký giữa Ngân hàng Q với Công ty Đ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Phương án trả nợ cụ thể như sau: Bắt đầu từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019, mỗi tháng Công ty Đ phải thanh toán trả Công ty V số tiền nợ gốc tối thiểu là 200.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng. Chậm nhất đến hết ngày 30/6/2019 Công ty Đ phải trả hết cho Công ty V số tiền còn nợ lại (bao gồm tiền nợ gốc, nợ lãi) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 003/12/HĐTD/105-53 ngày 09/2/2012 đã ký giữa Ngân hàng Q với Công ty Đ.

2.3. Trường hợp Công ty Đ vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo phương án trả nợ nêu trên thì Công ty V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H phát mại toàn bộ tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

- Tàu Đông Việt 18, tàu chở hàng tổng hợp, chiều dài lớn nhất 71,510M, chiều rộng 11,500M, trọng tải toàn phần 1981,4MT, tổng dung tích 999 GT, giấy CNĐKTB: VN-3522-VT cấp ngày 06/4/2013 tại Hải Phòng. Tàu Đông Việt 18 đã được đăng ký thế chấp tại Cơ quan đăng ký Tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng ngày 09/5/2013, chủ sở hữu là Công ty Đ.

- Quyền sử dụng đất: Tờ bản đồ 02, số thửa 1699, diện tích 143 m², đất ở sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền trên đất nhà ở 02 tầng diện tích xây dựng 90 m², diện tích sử dụng 180 m², kết cấu khung mái bê tông cốt thép. Địa chỉ xã A, huyện T, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0903628, do UBND huyện T cấp ngày 27/02/1995, vào sổ cấp GCN số 557QSĐĐ/HP-TN-AL-Q1 chủ sử dụng là ông Trần Văn B. Chủ sở hữu các tài sản thế chấp ông Trần Văn B và vợ bà Trịnh Thị N.

- Quyền sử dụng đất: Tờ bản đồ 02, số thửa 198, diện tích 443 m², đất ở sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền trên đất 01 nhà một tầng diện tích xây dựng 41,5 m², diện tích sử dụng 41,5 m², kết cấu nhà cấp 4. Địa chỉ xã A, huyện T, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0903549, do UBND huyện T cấp ngày

05/4/1995, vào sổ cấp GCN số 723QSDD/HPTNALQ1, chủ sử dụng là ông Trần Văn B.

2.3. Về án phí:

Công ty Đ nhận nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, số tiền án phí phải nộp là 65.524.500 đồng.

Trả lại Công ty V số tiền tạm ứng án phí 65.900.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009305 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vân

